TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HSST
Ngày: 02-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc
2. Bà Đặng Ngọc Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Sang, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2018/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/HSST-QĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

- *Họ và tên bị cáo*: Khâu Thị T, sinh năm 1977; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường P, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; bị cáo có cha tên Khâu Văn T, sinh năm 1937 và có mẹ tên Trần Thị N, sinh năm 1940; bị cáo chưa có chồng và con; tiền án: 01 lần. Ngày 27/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 09/5/2017 bị cáo chấp hành xong chưa được xóa án tích; tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 26/4/2005, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị đưa đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Long. Ngày 06/6/2006, bị Tòa án nhân dân Quận K, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" và "Sử dụng trái phép chất ma túy". Ngày 14/12/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và đang chấp hành hình phạt tù từ ngày 10-4-2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*:

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1982, nơi cư trú: phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1997, nơi cư trú: Ấp U, xã V, huyện D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

3. Nguyễn Minh L, sinh năm 1988, nơi cư trú: phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1993, nơi cư trú: phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Ông Trần Tiến D, sinh năm 1953, nơi cư trú: phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3. Ông Đoàn Tất H, sinh năm 1980, nơi cư trú: phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/9/2016, bị cáo Khâu Thị T bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 09/5/2017 bị cáo T chấp hành xong hình phạt về địa phương sinh sống.

Ngày 14/12/2017 bị cáo T tiếp tục bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Do bị cáo kháng cáo và sau đó tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T rút kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đình chỉ việc xét xử phúc thẩm theo Quyết định số 06/2018/HSPT-QĐ ngày 27/3/2018. Trong thời gian chờ chấp hành hình phạt tù thì bị cáo T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau:

- Khoảng 15 giờ ngày 15/02/2018 bị cáo T đi bộ trên đường Nguyễn Văn T, phường T, thành phố V đến nhà số 37 đường Nguyễn Văn T thì phát hiện 02 chiếc xe đạp không ai trông coi nên bị cáo T đã trộm 01 chiếc xe đạp màu đỏ dắt ra khỏi vị trí cũ, khi bị cáo T định leo lên xe điều khiển thì chị Trần Thị H là chủ xe phát hiện truy hô cùng mọi người bắt quả tang hành vi của bị cáo T và giao Công an phường T xử lý. Kết luận định giá tài sản số 48 của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự ngày 23/3/2018 xác định xe đạp màu đỏ hiệu Asama của chị H trị giá 450.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo T còn thừa nhận thực hiện 02 vụ trộm cắp khác:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 02/01/2018 bị cáo T đi bộ một mình đến khu tập thể trường dạy nghề số 9 thuộc khóm N, phường C, thành phố V tìm tài sản lấy trộm, khi đến quán hải sản của chị Nguyễn Thị T, bị cáo T thấy không

có người nên đi vào trong và phát hiện 01 điện thoại di động cảm ứng để trên bàn nên bị cáo T lấy bỏ vào túi áo rồi quay trở ra thì chị T phát hiện nên truy hô cùng mọi người bắt giữ bị cáo T lại và giao Công an phường C xử lý sau đó chuyển vụ việc cho Công an thành phố V giải quyết. Kết luận định giá tài sản số 05 ngày 10/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận điện thoại di động hiệu Vivo V5 của chị T trị giá 3.360.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 03/11/2018 bị cáo T đi bộ vào khu vực đường M phường N, thành phố V khi đến dãy nhà trọ gần quán Karaoke 789 bị cáo T nhìn thấy bên trong nhà 49/2D khóm H, phường B thành phố V có một máy cắt gạch cầm tay nên bị cáo T đã lấy trộm và nhanh chóng quay trở ra. Một lúc sau ông Nguyễn Minh L phát hiện bị mất tài sản nên đi tìm thì phát hiện bị cáo T đang giữ máy cắt gạch của mình nên dẫn bị cáo T về Công an phường B xử lý sau đó Công an phường B giao hồ sơ vụ việc cho Công an thành phố V giải quyết theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 13 ngày 15/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận máy cắt gạch cầm tay của anh L trị giá 350.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 44/CT-VKSNDTPVL ngày 25/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Khâu Thị T ra trước Tòa án nhân dân thành phố V để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Khâu Thị T đã thừa nhận các lời khai trong quá trình điều tra là do bị cáo tự khai, không bị ai ép buộc và thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo T thống nhất với các Kết luận định giá số 13 ngày 15/01/2018; Kết luận định giá tài sản số 05 ngày 10/01/2018 và Kết luận định giá tài sản số 48 của Hội đồng định giá tài sản và tố tụng hình sự thành phố V.

Bị hại chị Trần Thị H, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Minh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có trong hồ sơ thể hiện đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại tài sản, về trách nhiệm hình sự yêu cầu cơ quan thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã khẳng định nội dung mà bản cáo trạng Viện kiểm sát đã đề nghị truy tố bị cáo Khâu Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" là đủ căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và giữ nguyên việc truy tố.

Kiểm sát viên nhận định: Bị cáo Khâu Thị T là người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; mục đích bị cáo trộm cắp tài sản để có tiền mua ma túy sử dụng, bản thân bị cáo nhiều lần bị Tòa án nhân dân xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản người khác, hiện bị cáo có 01 tiền án chưa xóa án tích nhưng vẫn nhiều lần thực hiện hành vi

phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, lười lao động, lại nghiện ma túy nên nhiều lần phạm tội để phục vụ nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân. Hành vi của bị cáo Nhung đã gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, vì vậy cần phải xử lý thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo Nhung bị bệnh HIV AIDS thời kỳ cuối nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, khi thực hiện hành vi ngày 02/01/2018 với số tiền chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng lẽ ra nếu hành vi này được xử lý trước thì trường hợp phạm tội của bị cáo được tính là tái phạm nguy hiểm, tuy nhiên do các hành vi của bị cáo được xử lý trong cùng vụ án này nên thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Khâu Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản", về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong không đề nghị xem xét. Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại nên không đề nghị xem xét.

Bị cáo không tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình và làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo T: Khoảng 15 giờ ngày 15/02/2018 bị cáo T đã trộm 01 chiếc xe đạp màu đỏ của chị Trần Thị H tại nhà số 37 đường Nguyễn Văn T, phường B, thành phố V và bị bắt quả tang. Kết luận định giá tài sản xác định xe đạp màu đỏ hiệu Asama của chị H trị giá 450.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo T còn thực hiện 02 vụ trộm cắp khác:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 02/01/2018 bị cáo T đi bộ đến khu tập thể trường dạy nghề số 9 thuộc khóm N, phường C, thành phố V tìm tài sản lấy trộm, khi đến quán hải sản của chị Nguyễn Thị T, bị cáo T thấy không có người nên đi vào trong và phát hiện 01 điện thoại di động cảm ứng để trên bàn nên bị cáo T lấy bỏ vào túi áo rồi quay trở ra thì chị T phát hiện nên truy hô cùng mọi người bắt giữ bị cáo giao Công an phường C xử lý, sau đó chuyển vụ việc cho Công an thành phố V giải quyết. Kết luận định giá tài sản xác định điện thoại di động hiệu Vivo V5 của chị T trị giá 3.360.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 03/01/2018 bị cáo T đi bộ vào khu vực đường M phường N, thành phố V khi đến dãy nhà trọ gần quán Karaoke 789 bị cáo T nhìn thấy bên trong nhà 49/2D khóm H, phường B, thành phố V có một máy cắt gạch cầm tay nên bị cáo T đã lấy trộm và nhanh chóng quay trở ra. Một lúc sau anh Nguyễn Minh L phát hiện bị mất tài sản nên đi tìm thì phát hiện bị cáo T đang giữ máy cắt gạch của mình nên dẫn bị cáo T về Công an phường B xử lý, sau đó Công an phường B giao hồ sơ vụ việc cho Công an thành phố V giải quyết theo thẩm quyền. Kết luận định giá tài sản xác định máy cắt gạch cầm tay của anh L trị giá 350.000 đồng.

Từ những hành vi trên của bị cáo T, cho thấy bị cáo T là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Khi phát hiện tài sản không có người trông giữ, bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Bản thân bị cáo T vào ngày 27/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" đã chấp hành xong nhưng được xóa án tích. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 25/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Khâu Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo cũng nhận thức được hành vi mà mình gây ra là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo bị nghiện chất ma túy, muốn có tiền để mua ma túy sử dụng nên đã thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần thiết phải xử lý bị cáo một mức án thật nghiêm, tương xứng với hành vi phạm

tội đã gây ra, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Căn cứ Thông báo số 18/TB-THAHS ngày 10/4/2018 và Biên bản tiếp nhận người bị kết án phạt tù vào chấp hành án ngày 10/4/2018 của Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố V, bị cáo T đang chấp hành Bản án số 89/2017/HS-ST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V từ ngày 10/4/2018 do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 và Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quyết định hình phạt và tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo T theo quy định pháp luật.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo bị nhiễm HIV AIDS thời kỳ cuối nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị Trần Thị H, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Minh L vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy chị H, chị T và anh L đã nhận lại tài sản và đều trình bày không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và đã giao trả cho chị Trần Thị H chiếc xe màu đỏ theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 28/3/2018 (BL 81); giao trả cho chị Nguyễn Thị T điện thoại Vivo-V5 màu hồng theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 10/01/2018 (BL 83); giao trả cho anh Nguyễn Minh L máy cắt gạch cầm tay theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 14/4/2018 (BL 84). Do vật chứng đã được xử lý xong trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Khâu Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Khâu Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản" .

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38, Điều 55 và Điều 56 Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Xử phạt bị cáo Khâu Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự số: 89/2017/HS-ST ngày 14/12/2017 đã xử phạt bị cáo Khâu Thị T 09 (chín) tháng tù. Bị cáo Khâu Thị T phải chấp hành hình phạt chung là: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Khâu Thị T được tính từ ngày 10/4/2018.

2. Án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Khâu Thị T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- Công an TPVL;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Bị cáo và Trại giam;
- Sở Tư pháp tỉnh VL;
- Viện Kiểm sát tỉnh VL;
- Lưu hồ sơ;